

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2018

THÔNG TƯ**Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam***Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;**Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;**Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;**Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ;**Căn cứ Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;**Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Căn cứ Quyết định số 67/2013/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,**Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về cơ chế quản lý tài chính áp dụng cho Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam được áp dụng theo mô hình của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

2. Các nguồn thu, chi kinh phí hành chính sự nghiệp mà Ngân sách Nhà nước giao cho Cục Đăng kiểm Việt Nam được quản lý, hạch toán, quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và chế độ kế toán doanh nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. QUẢN LÝ VỐN VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN

Điều 2. Vốn hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam

Vốn hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm: Vốn do Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Bảo toàn vốn

1. Việc bảo toàn vốn nhà nước tại Cục Đăng kiểm Việt Nam được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật;

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro sau đây:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính;
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp.

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn và tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam. Mọi biến động về vốn, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải giám sát và Bộ Tài chính đề theo dõi.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam xây dựng và ban hành quy chế nội bộ để quản lý, sử dụng các loại tài sản của đơn vị; Quy chế phải xác định rõ việc phối hợp của từng bộ phận quản lý trong Cục, quy định rõ trách nhiệm bồi thường của từng bộ phận, cá nhân đối với các trường hợp làm hư hỏng, mất mát, gây tổn thất tài sản, thiệt hại cho đơn vị.

Điều 4. Quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả

1. Quản lý nợ phải thu.

a) Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam:

- Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nợ của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi các khoản nợ phải thu; đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

- Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ chưa đến hạn thanh toán, nợ đến hạn thanh toán, nợ đã quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ; định kỳ đối chiếu công nợ;

- Phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ đối với các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ; cuối kỳ, đánh giá lại và xử lý chênh lệch tỷ giá theo quy định;

- Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán trên 06 tháng (tính theo thời hạn trả nợ ban đầu, không kể thời gian gia hạn trả nợ), Cục Đăng kiểm Việt Nam đã áp dụng các biện pháp xử lý như đối chiếu xác nhận, đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc là các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ là tổ chức kinh tế đã lâm vào tình

trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

- Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xử lý bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan, số còn lại được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thuyết minh chi tiết giá trị (theo nguyên tệ và VND) các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý theo từng đối tượng, nguyên nhân đã xóa sổ kế toán nợ khó đòi và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và Giám đốc các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định, căn cứ vào hậu quả của việc xử lý chậm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì Bộ Giao thông vận tải quyết định hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật; nếu không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn của chủ sở hữu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và Giám đốc các đơn vị trực thuộc phải chịu trách nhiệm trước Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật.

b) Quyền hạn của Cục Đăng kiểm Việt Nam:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam được quyền bán các khoản nợ phải thu quá hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được để thu hồi vốn. Việc bán nợ chỉ được thực hiện đối với các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán khoản nợ phải thu. Trường hợp bán nợ mà dẫn tới bị thua lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán dẫn đến tình trạng mất cân đối về tài chính thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh khoản nợ khó đòi phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

- Các quyền khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam như: Quyền khiếu nại, khởi kiện khi không thu hồi được nợ, quyền ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý các khoản nợ phải trả

- a) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả;
- b) Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Cục Đăng kiểm Việt Nam, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn. Các khoản nợ phải trả mà không phải trả, không có đối tượng để trả thì hạch toán vào thu nhập khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 5. Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định

Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định nhằm đáp ứng các hoạt động cung cấp dịch vụ đăng kiểm và thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Trong đó:

- a) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định do Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện, quá trình đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- b) Đối với đầu tư, mua sắm tài sản cố định bên ngoài đưa về sử dụng, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- c) Đối với việc đầu tư, mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại (xe ô tô) phục vụ công tác cho các chức danh lãnh đạo và phục vụ công tác chung, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức mua sắm, sử dụng phục vụ công tác bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định hiện hành.

Điều 6. Thuê tài sản hoạt động

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam được thuê tài sản (bao gồm cả hình thức thuê tài chính) để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của đơn vị và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

2. Việc thuê và sử dụng tài sản thuê phải tuân theo đúng quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Quản lý sử dụng và khấu hao tài sản cố định

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện quản lý, sử dụng tài sản cố định trong quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Trong đó:

a) Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, ban hành, thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản cố định của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Tùy theo yêu cầu quản lý đối với từng loại tài sản cố định, quy chế quản lý tài sản cố định của Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành phải quy định rõ việc phối hợp giữa các bộ phận và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, quản lý sử dụng tài sản của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản cố định (nếu có) theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, trong đó:

a) Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định các hợp đồng cho thuê tài sản có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê tài sản nhưng giá trị còn lại của tài sản cho thuê không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản của doanh nghiệp để thế chấp, cầm cố vay vốn thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

c) Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Khấu hao tài sản cố định: Cục Đăng kiểm Việt Nam được trích khấu hao theo hướng dẫn của Bộ Tài chính ban hành quy định việc trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp.

Điều 8. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam được quyền chủ động và thực hiện nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

a) Đối với trụ sở làm việc, xe ô tô và những tài sản trực tiếp phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ công ích của Cục Đăng kiểm Việt Nam (nhà xưởng, máy móc, thiết bị kiểm tra, thử nghiệm, dây chuyền kiểm định) khi nhượng bán, thanh lý

phải được Bộ Giao thông vận tải đồng ý bằng văn bản. Bộ Giao thông vận tải sẽ xem xét ủy quyền cho Cục Đăng kiểm Việt Nam được phép chủ động thanh lý đối với một số tài sản trong những trường hợp cụ thể;

b) Trừ tài sản nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị còn lại dưới 30% vốn chủ sở hữu ghi trên bảng cân đối kế toán trong báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Cục trưởng, Cục Đăng kiểm Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải quyết định.

c) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của Cục Đăng kiểm Việt Nam không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo Bộ Giao thông vận tải trước khi nhượng bán tài sản cố định để Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

d) Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư, mua sắm đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong thời gian 03 năm đầu nhưng không đạt hiệu quả kinh tế theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Cục Đăng kiểm Việt Nam không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới Cục Đăng kiểm Việt Nam không trả được nợ vay theo khế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo Bộ Giao thông vận tải xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

a) Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc nhượng bán tài sản cố định bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do Cục Đăng kiểm Việt Nam tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Cục Đăng kiểm Việt Nam được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên;

b) Trường hợp chuyển nhượng tài sản cố định gắn liền với đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý, nhượng bán tài sản

a) Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và giám đốc các đơn vị trực thuộc quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc. Thành phần Hội đồng gồm: Cục trưởng/Giám đốc, Kế toán trưởng, các trưởng phòng, bộ phận có liên quan; đại diện Ban Chấp hành công đoàn và một số chuyên gia am hiểu về tính năng kỹ thuật của tài sản cố định (nếu cần). Nhiệm vụ của Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản cố định bao gồm:

- Xác định thực trạng về kỹ thuật, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán;
- Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến trường hợp tài sản cố định mới đầu tư không mang lại hiệu quả kinh tế phải nhượng bán nhưng không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư, tài sản chưa khấu hao hết đã bị hư hỏng không thể sửa chữa được phải thanh lý, nhượng bán để báo cáo Bộ Giao thông vận tải xử lý theo quy định;
- Tổ chức xác định hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị có thể thu được của tài sản thanh lý, nhượng bán;
- Tổ chức bán đấu giá hoặc thuê tổ chức có chức năng bán đấu giá các loại tài sản thanh lý nhượng bán theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Hội đồng thanh lý, nhượng bán tài sản tự kết thúc hoạt động sau khi hoàn tất việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Trường hợp khi Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mà phải dỡ bỏ hoặc hủy bỏ tài sản cố định cũ thì việc thanh lý và hạch toán tài sản cố định cũ khi dỡ bỏ hoặc hủy bỏ của Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện như đối với trường hợp thanh lý tài sản cố định quy định tại Điều này.

Điều 9. Kiểm kê tài sản

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện việc kiểm kê tài sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Luật Kế toán năm 2015.

2. Xử lý kết quả kiểm kê.

a) Xử lý kết quả kiểm kê tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm:

- Trường hợp kết quả kiểm kê thiếu tài sản so với số tài sản đã ghi trên sổ sách kế toán nếu do nguyên nhân chủ quan của tập thể, cá nhân có liên quan gây ra thì tập thể, cá nhân gây ra phải bồi thường. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định mức bồi thường và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Giá trị tài sản bị thiếu sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tập thể, cá nhân và tiền bảo hiểm tài sản thu được hoặc giá trị tài sản thiếu do nguyên nhân khách quan, phần còn lại (nếu có) Cục Đăng kiểm Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét và chỉ được hạch toán vào chi phí hoạt động của mình khi được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt;

- Trường hợp kết quả kiểm kê thừa tài sản so với số tài sản đã ghi trên sổ sách kế toán, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải xác định rõ nguyên nhân thừa tài sản, đối với tài sản thừa không phải trả lại hoặc không xác định được chủ thì được hạch toán vào thu nhập khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam; đối với tài sản thừa chưa xác định rõ nguyên nhân thì hạch toán vào phải trả, phải nộp khác; trường hợp giá trị tài sản thừa đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì căn cứ vào quyết định xử lý để hạch toán cho phù hợp.

b) Việc xử lý kết quả kiểm kê theo quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng trường hợp kiểm kê cụ thể:

- Trường hợp tại kỳ kế toán mà tài sản bị tổn thất đã xác định được số tiền mà các tổ chức, cá nhân (kể cả tổ chức bảo hiểm) phải bồi thường cho đơn vị thì giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ;

- Trường hợp tại kỳ kế toán mà tài sản bị tổn thất chưa xác định được số tiền mà các tổ chức, cá nhân phải bồi thường cho đơn vị thì toàn bộ giá trị tài sản bị tổn thất phản ánh vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ bị tổn thất tài sản. Khi nhận được các khoản bồi thường của các tổ chức, cá nhân sẽ được hạch toán vào thu nhập khác của đơn vị;

- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Cục Đăng kiểm Việt Nam không thể tự khắc phục được thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam lập phương án xử lý tổn thất báo cáo Bộ Giao thông vận tải để xem xét, xử lý theo thẩm quyền;

- Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Cục trưởng Cục

Đăng kiểm Việt Nam sẽ phải chịu trách nhiệm trước Bộ Giao thông vận tải như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 10. Đánh giá lại tài sản

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

II. DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Doanh thu và thu nhập khác

Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản doanh thu, thu nhập khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Toàn bộ doanh thu, thu nhập khác phát sinh đối với các hoạt động dịch vụ liên quan đến đăng kiểm và dịch vụ khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Doanh thu, thu nhập khác liên quan đến dịch vụ đăng kiểm và dịch vụ khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp thu bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

1. Doanh thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính, trong đó:

a) Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền phát sinh trong kỳ từ việc cung cấp dịch vụ của Cục Đăng kiểm Việt Nam, bao gồm:

- Doanh thu hoạt động đăng kiểm là tất cả các khoản thu từ công tác đăng kiểm chất lượng, an toàn kỹ thuật, an toàn lao động, bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị giao thông vận tải; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển và các phương tiện, thiết bị khác thuộc phạm vi quản lý của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Doanh thu khác liên quan đến hoạt động đăng kiểm như: Đào tạo đăng kiểm viên, cấp phôi tem và sổ theo mẫu thống nhất cho các đơn vị đăng kiểm trong

toàn ngành; khoản thu phí sử dụng đường bộ được trích để lại theo quy định của pháp luật;

- Doanh thu từ các hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ đăng kiểm, gồm: đại lý bán bảo hiểm cho phương tiện xe cơ giới, tư vấn, dịch vụ khoa học kỹ thuật liên quan đến an toàn kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các khoản thu khác theo quy định.

b) Doanh thu của hoạt động tài chính: thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và lãi tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, các khoản nợ phải trả mà không có đối tượng để trả thì hạch toán vào các khoản thu nhập khác theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp.

Điều 12. Chi phí

Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc tổ chức quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính đúng đắn, trung thực và hợp pháp của các khoản chi phí. Chi phí của Cục Đăng kiểm Việt Nam là các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính liên quan đến các hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm: chi phí phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác.

Toàn bộ chi phí phát sinh đối với các hoạt động dịch vụ liên quan đến đăng kiểm và dịch vụ khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định của pháp luật và phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí hoạt động liên quan đến dịch vụ đăng kiểm và dịch vụ khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam được xác định bằng đồng Việt Nam, trường hợp chi bằng ngoại tệ phải quy đổi về đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cục Đăng kiểm Việt Nam phải tính đúng, tính đủ chi phí hoạt động của dịch vụ đăng kiểm và dịch vụ khác, tự trang trải mọi khoản chi phí bằng các khoản thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

1. Chi phí hoạt động đăng kiểm, bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

- Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho công chức, viên chức, người lao động theo chế độ quy định;

- Kinh phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà Cục Đăng kiểm Việt Nam phải nộp theo quy định;

- Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp; các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, lệ phí môn bài, tiền thuê đất; trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động; đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động; chi cho công tác y tế theo quy định; thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí; chi phí cho lao động nữ; chi phí cho công tác bảo vệ môi trường; chi phí ăn ca cho người lao động; chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Cục Đăng kiểm Việt Nam (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định) và các khoản chi phí bằng tiền khác thực hiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Giá trị tài sản tồn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật;

- Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của pháp luật, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

2. Chi phí của các hoạt động khác liên quan đến hoạt động đăng kiểm, gồm:

- Chi thuê giảng viên theo quy định và các chi phí liên quan đến công tác tổ chức đào tạo, các chi phí biên tập, nhuận bút, chi in ấn các mẫu biểu, tem, sổ để cấp phát cho các đơn vị đăng kiểm theo quy định;

- Chi phí liên quan đến công tác thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kiểm và thu phí sử dụng đường bộ.

3. Chi phí cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ đăng kiểm, gồm:

- Chi lương làm thêm giờ cho các cá nhân tham gia trực tiếp vào hoạt động dịch vụ (nếu có);
- Chi nguyên nhiên vật liệu, vật tư, văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ;
- Chi khấu hao tài sản cố định theo quy định;
- Chi công tác phí theo chế độ;
- Chi thuê tài sản cố định (nếu có);
- Các chi phí phân bổ cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm, gồm: tiền thuê mặt bằng, địa điểm làm việc, các chi phí về điện, nước, điện thoại, fax, internet, sách báo, tạp chí, dịch vụ công cộng.
- Các khoản chi phí bằng tiền khác theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí hoạt động tài chính, gồm: chi phí trả lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và lỗ tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, chi phí chiết khấu thanh toán và các khoản chi phí tài chính khác theo quy định.

5. Chi phí khác, gồm: chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định (gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán); tài sản thiếu hụt sau kiểm kê (phần giá trị còn lại của tài sản cố định thiếu qua kiểm kê phải tính vào tổn thất của Cục Đăng kiểm Việt Nam); chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán; chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng; các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

6. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây:

- a) Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình;
- b) Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng;
- c) Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ;
- d) Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh Cục Đăng kiểm Việt Nam mà do cá nhân gây ra.

Điều 13. Quản lý chi phí

Cục Đăng kiểm Việt Nam phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý sau đây:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, mô hình tổ chức quản lý, mức độ trang bị của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Cục Đăng kiểm Việt Nam biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát.

Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ tổ chức phân tích chi phí nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí để có giải pháp khắc phục kịp thời.

3. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện tăng dẫn đến chi phí tăng vượt quá 15% so với kế hoạch tài chính được giao, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, điều chỉnh kế hoạch chi.

Điều 14. Lợi nhuận thực hiện

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam là chênh lệch giữa tổng doanh thu và thu nhập khác thực hiện trong năm nêu tại Điều 11 và tổng chi phí thực hiện trong năm nêu tại Điều 12 của Thông tư này.

2. Việc xác định doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành của pháp luật.

III. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của Cục Đăng kiểm Việt Nam sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

2. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này được phân phối như sau:

a) Trích tối đa 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển; khi số dư Quỹ Đầu tư phát triển bằng mức tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411) và vốn xây dựng cơ bản (Mã số 422) trên Báo cáo tài chính thời điểm năm gần nhất thì không thực hiện trích tiếp;

b) Trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi theo các tiêu chí đánh giá về kết quả thực hiện trong năm của đơn vị, cụ thể như sau:

- Trích hai quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa bằng 03 tháng lương thực hiện khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh thu hoạt động đăng kiểm và thu nhập khác bằng hoặc cao hơn so với kế hoạch được Bộ Giao thông vận tải giao; trong đó, doanh thu hoạt động đăng kiểm đạt mức hoàn thành kế hoạch được giao;

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bằng hoặc cao hơn so với kế hoạch được giao;

+ Không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1;

+ Không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm cơ chế, chính sách một trong những lĩnh vực đã nêu tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở về việc thực hiện cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật nhưng chưa đến mức bị xử phạt hành chính;

+ Hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức kế hoạch về sản lượng với chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn quy định.

- Trích hai quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa bằng 1,5 tháng lương thực hiện khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Doanh thu hoạt động đăng kiểm thấp hơn nhưng tối thiểu bằng 90% so với kế hoạch được Bộ Giao thông vận tải giao;

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu thấp hơn nhưng tối thiểu bằng 90% so với kế hoạch được giao;

+ Không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn từ 0,5 đến 1;

+ Bị Bộ Giao thông vận tải/Bộ Tài chính nhắc nhở 01 lần bằng văn bản về việc nộp báo cáo tài chính và các báo cáo khác không đúng quy định, không đúng hạn.

Hoặc bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền (số tiền từng lần bị xử phạt dưới 10.000.000 đồng) phát sinh trong năm tài chính;

+ Hoàn thành tối thiểu 90% kế hoạch về sản lượng với chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tiêu chuẩn quy định.

- Trích hai quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa 01 tháng lương thực hiện theo các tiêu chí cụ thể:

+ Tổng doanh thu thực hiện đạt dưới 90% kế hoạch được giao;

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt dưới 90% so với kế hoạch được giao;

+ Có nợ phải trả quá hạn hoặc hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn nhỏ hơn 0,5;

+ Không nộp báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định hoặc nộp báo cáo không đúng quy định, đúng thời hạn bị Bộ Giao thông vận tải/Bộ Tài chính nhắc nhở bằng văn bản từ 02 lần trở lên;

+ Bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng các hình thức khác (ngoài hình thức cảnh cáo) hoặc bị phạt tiền (số tiền bị xử phạt một lần từ 10.000.000 đồng trở lên) trong năm tài chính;

+ Ban lãnh đạo Cục Đăng kiểm Việt Nam có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của đơn vị đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

+ Hoàn thành dưới 90% kế hoạch về sản lượng hoặc chất lượng sản phẩm, dịch vụ không bảo đảm tiêu chuẩn quy định.

c) Trường hợp lợi nhuận thực hiện không đủ để trích hai quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định tại Khoản 2 Điều này, thì được giảm trừ phần trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng tối đa không vượt quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

d) Số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại Tiết a, b Khoản 2 Điều này được nộp về Ngân sách Nhà nước.

Điều 16. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Việc sử dụng các quỹ của Cục Đăng kiểm Việt Nam phải đúng mục đích, đúng đối tượng.

a) Cục Đăng kiểm Việt Nam phải xây dựng, ban hành Quy chế quản lý sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ Cục Đăng kiểm

Việt Nam; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn Cục Đăng kiểm Việt Nam và công khai trong Cục Đăng kiểm Việt Nam trước khi thực hiện;

b) Trong năm tài chính, Cục Đăng kiểm Việt Nam chủ động thực hiện trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Cục Đăng kiểm Việt Nam có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ: Việc trích lập, quản lý, quyết toán việc sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Quỹ Đầu tư phát triển được dùng để thực hiện các dự án đầu tư tài sản tăng năng lực của hoạt động đăng kiểm và bổ sung vốn cho hoạt động đăng kiểm.

4. Quỹ Khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong đơn vị;

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Cục Đăng kiểm Việt Nam có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của đơn vị;

Mức thưởng theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản này do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định. Riêng Điểm a cần có ý kiến của Công đoàn đơn vị trước khi quyết định.

5. Quỹ Phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội;

đ) Mức chi sử dụng quỹ do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

IV. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 17. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác

1. Kế hoạch tài chính

a) Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch tài chính trong năm và kế hoạch triển khai nhiệm vụ của năm tiếp theo Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính trong năm tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và gửi Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 11 hàng năm (Biểu mẫu Báo cáo Kế hoạch tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo Phụ lục 01 của Thông tư này);

b) Bộ Giao thông vận tải chủ trì, rà soát thẩm định kế hoạch tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ Tài chính phối hợp tham gia. Bộ Giao thông vận tải giao kế hoạch tài chính cho Cục Đăng kiểm Việt Nam theo Phụ lục 02 của Thông tư này sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính. Kế hoạch tài chính được gửi đồng thời cho Bộ Tài chính để tổng hợp;

c) Biểu mẫu báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam lập theo Phụ lục của Thông tư này.

2. Chế độ kế toán, thống kê, kiểm toán

a. Cục Đăng kiểm Việt Nam là đơn vị hạch toán độc lập được áp dụng chế độ kế toán của doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác về kế toán; đồng thời, chịu trách nhiệm quản lý tài chính tập trung mọi nguồn vốn, quỹ tại Cơ quan Cục. Các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam là các đơn vị hạch toán phụ thuộc;

b. Cuối kỳ kế toán quý, năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

Báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam trước khi nộp cho cơ quan nhà nước và trước khi công khai phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo sau:

a) Báo cáo định kỳ, gồm:

- Báo cáo tài chính quý, năm (theo quy định tại Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế) và báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách theo Phụ lục 03 của Thông tư này;

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính theo Phụ lục 04 của Thông tư này;

- Báo cáo công khai tình hình tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;

- Báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận theo Phụ lục 05 của Thông tư này;

- Báo cáo quyết toán tiền lương theo Phụ lục 06 của Thông tư này;

b) Báo cáo đột xuất:

Ngoài các báo cáo nêu tại Điểm a Khoản 3 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện lập, gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải và cơ quan quản lý nhà nước; trường hợp Cục Đăng kiểm Việt Nam có khoản vay trong nước và vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện lập và gửi báo cáo theo các quy định hiện hành của pháp luật về quản lý nợ được Chính phủ bảo lãnh.

c) Thời hạn và nơi gửi báo cáo:

Các báo cáo ở Điểm a Khoản 3 Điều này Cục Đăng kiểm Việt Nam gửi cho Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Cục Thuế thành phố Hà Nội.

Thời hạn gửi các báo cáo trên được gửi mỗi năm một lần cùng thời điểm với Báo cáo quyết toán theo quy định. Thời gian gửi báo cáo quý thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

5. Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền đối với công tác tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Kiểm tra kế toán, kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính

1. Hàng tháng, quý, năm Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm tự kiểm tra kế toán, báo cáo tài chính.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm tổ chức kiểm tra Báo cáo tài chính năm của các đơn vị trực thuộc (trừ Cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam) và chịu

trách nhiệm về kết quả kiểm tra. Căn cứ Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm tại đơn vị trực thuộc và sau khi có Thông báo thẩm định báo cáo tài chính của Bộ Giao thông vận tải, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm thông báo phê duyệt quyết toán năm cho các đơn vị trực thuộc.

3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì kiểm tra báo cáo tài chính năm của Cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam và thẩm định báo cáo tài chính năm của toàn Cục Đăng kiểm Việt Nam. Sau khi có kết quả thẩm định gửi Bộ Tài chính để tổng hợp đánh giá hoạt động kinh doanh của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo quy định.

4. Nội dung kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính

a) Nội dung kiểm tra báo cáo tài chính năm:

- Nội dung kiểm tra gồm: Tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản (tăng, giảm tài sản cố định, nguồn vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn quỹ khác); kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (doanh thu, chi phí, lợi nhuận); quan hệ với ngân sách nhà nước;

- Việc kiểm tra sẽ được căn cứ vào hồ sơ, tài liệu của đơn vị cung cấp gồm: Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính (nếu có), các hồ sơ, chứng từ gốc liên quan đến nghiệp vụ thu, chi tài chính tại đơn vị, các chứng từ khác liên quan đến nghiệp vụ hạch toán kế toán và các bảng kê, báo cáo khác có liên quan đến số liệu của Báo cáo tài chính;

- Rà soát và kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền qua công tác kiểm toán, thanh tra, thẩm định báo cáo tài chính (nếu có).

b) Nội dung thẩm định báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam:

- Nội dung thẩm định bao gồm: Tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản (tăng, giảm tài sản cố định, nguồn vốn chủ sở hữu và các nguồn vốn quỹ khác); kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (doanh thu, chi phí, lợi nhuận); quan hệ với ngân sách nhà nước và phân phối lợi nhuận theo quy định của pháp luật;

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền qua công tác kiểm toán, thanh tra, thẩm định báo cáo tài chính (nếu có);

- Việc thẩm định được thực hiện trên cơ sở Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và của Cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam; rà soát, đối chiếu và tổng hợp số liệu tại các Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính các đơn vị trực thuộc và Cơ quan Cục Đăng kiểm Việt Nam với số liệu tổng hợp trên Báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Kết thúc việc thẩm định báo cáo tài chính năm, Bộ Giao thông vận tải chủ trì lập Biên bản thẩm định để làm căn cứ cho Bộ Giao thông vận tải thông báo thẩm định báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

5. Ngoài ra, tùy theo tính chất công việc của từng năm, Bộ Giao thông vận tải chủ trì tiến hành kiểm tra Cục Đăng kiểm Việt Nam theo chuyên đề: Kiểm tra công tác đầu tư mua sắm tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản và các nội dung kiểm tra khác (nếu có). Các đợt kiểm tra này sẽ thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền và đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp với các đợt kiểm tra của các cơ quan chức năng khác như: Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính.

6. Khi thực hiện kiểm tra Báo cáo tài chính hàng năm, Bộ Giao thông vận tải có quyền yêu cầu Cục Đăng kiểm Việt Nam:

- a) Giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết cho việc kiểm tra;
- b) Điều chỉnh lại số liệu quyết toán nếu có sai sót và điều chỉnh lại báo cáo quyết toán theo kết quả kiểm tra;
- c) Yêu cầu các đơn vị trực thuộc thu hồi nộp ngân sách nhà nước các khoản chi sai chế độ và các khoản phải nộp khác theo quy định.

Điều 19. Công khai báo cáo tài chính

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc thực hiện thông báo công khai trước hội nghị công nhân viên chức của đơn vị.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2018 và thay thế Thông tư liên tịch số 55/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để được hướng dẫn./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Hiếu

Phụ lục 01*(Kèm theo Thông tư số 49/2018/TT-BTC ngày 21/5/2018 của Bộ Tài chính)***KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM****Năm.....**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo		Năm kế hoạch
			KH	Ước TH	
I	Doanh thu và thu nhập khác				
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính				
a	Doanh thu cung cấp dịch vụ:				
	- Doanh thu hoạt động đăng kiểm				
	- Doanh thu khác liên quan hoạt động đăng kiểm				
	- Doanh thu ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm				
b	Doanh thu hoạt động tài chính				
2	Thu nhập khác				
II	Chi phí				
1	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ và chi phí hoạt động tài chính				
a	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:				
	- Chi phí hoạt động đăng kiểm				
	- Chi phí khác liên quan hoạt động đăng kiểm				
	- Chi phí hoạt động ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm				
b	Chi phí hoạt động tài chính				
2	Chi phí khác				
III	Lợi nhuận thực hiện (I-II)				
IV	Lợi nhuận sau thuế				
V	Giá trị vốn Nhà nước tại Cục Đăng kiểm Việt Nam				
VI	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu				
VII	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu				
VIII	Tổng số lao động				
IX	Tổng quỹ lương				
X	Thu nhập bq người lao động/năm				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 02

(Kèm theo Thông tư số 49/2018/TT-BTC ngày 21/5/2018 của Bộ Tài chính)

GIAO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CHO CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**Năm.....**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Số tiền
I	Doanh thu và thu nhập khác	
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính	
a	Doanh thu cung cấp dịch vụ:	
	- Doanh thu hoạt động đăng kiểm	
	- Doanh thu khác liên quan hoạt động đăng kiểm	
	- Doanh thu ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm	
b	Doanh thu hoạt động tài chính	
2	Thu nhập khác	
II	Chi phí	
1	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ và chi phí hoạt động tài chính	
a	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:	
	- Chi phí hoạt động đăng kiểm	
	- Chi phí khác liên quan hoạt động đăng kiểm	
	- Chi phí hoạt động ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm	
b	Chi phí hoạt động tài chính	
2	Chi phí khác	
III	Lợi nhuận thực hiện (I-II)	
IV	Lợi nhuận sau thuế	
IV	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu:	

09846347

Phụ lục 03

(Kèm theo Thông tư số 49/2018/TT-BTC ngày 21/5/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
A	B	C	1	2	3	4 = (1+2-3)
I	Thuế	10				
1	Thuế giá trị gia tăng	11				
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15				
3	Thuế Tài nguyên	16				
4	Thuế Nhà đất	17				
5	Tiền thuê đất	18				
6	Các khoản thuế khác	19				
	Thuế môn bài					
	Thuế thu nhập cá nhân					
	Các loại thuế khác					
II	Các khoản phải nộp khác	30				
1	Các khoản phụ thu	31				
2	Các khoản phí, lệ phí	32				
3	Các khoản khác	33				
	Các khoản nộp phạt					
	Nộp Khác					
	TỔNG CỘNG (40=10+30)	40				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 04

(Kèm theo Thông tư số 49/2018/TT-BTC ngày 21/5/2018 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH
CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

Năm.....

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
I	Doanh thu và thu nhập khác			
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính			
a	Doanh thu cung cấp dịch vụ:			
	- Doanh thu hoạt động đăng kiểm			
	- Doanh thu khác liên quan hoạt động đăng kiểm			
	- Doanh thu ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm			
b	Doanh thu hoạt động tài chính			
2	Thu nhập khác			
II	Chi phí			
1	Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ và chi phí hoạt động tài chính			
a	Chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ:			
	- Chi phí hoạt động đăng kiểm			
	- Chi phí khác liên quan hoạt động đăng kiểm			
	- Chi phí hoạt động ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm			
b	Chi phí hoạt động tài chính			
2	Chi phí khác			
III	Lợi nhuận thực hiện (I-II)			
IV	Lợi nhuận sau thuế			
V	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu			
VI	Số phải nộp Ngân sách phát sinh trong năm			
1	Thuế:			
	- Thuế GTGT			
	- Thuế TNDN			
	- Thuế TNCN			
2	Nộp lệ phí, cấp giấy chứng nhận			
3	Các khoản phải nộp khác			
VII	Trích lập các quỹ			
1	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ			
2	Quỹ Đầu tư phát triển			
3	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)....., ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 05

(Kèm theo Thông tư số 49/2018/TT-BTC ngày 21/5/2018 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM.....
CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	
		Năm trước	Năm nay
I	Các chỉ tiêu		
1	Tổng lợi nhuận sau thuế		
2	Vốn chủ sở hữu* (gồm: Vốn đầu tư của chủ sở hữu, mã số 411 + Quỹ đầu tư phát triển, mã số 417 + Nguồn vốn đầu tư XDCB, mã số 422)		
3	Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu		
	+ Năm trước (%)		
	+ Năm nay (%)		
4	Số phải nộp ngân sách phát sinh		
	+ Năm trước		
	+ Năm nay		
5	Quỹ lương thực hiện năm...		
6	Thu nhập bình quân người/tháng:		
7	Tổng số lao động bình quân năm...		
II	Phân phối lợi nhuận trước thuế		
1	Bù lỗ năm trước (nếu có)		
2	Trích Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ		
3	Nộp thuế TNDN		
4	Bù các khoản lỗ năm trước không được tính vào thu nhập trước thuế		
5	Trích Quỹ Đầu tư phát triển		
6	Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi		

(* Ghi chú: Chỉ tiêu vốn chủ sở hữu được tính bình quân của 04 quý trong năm)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)..., ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 06*(Kèm theo Thông tư số 49/2018/TT-BTC ngày 21/5/2018 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG****Năm.....****CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước	Năm nay	
			Kế hoạch	Thực hiện
1. Quỹ lương kế hoạch	Đồng			
2. Quỹ lương thực hiện	Đồng			
3. Tổng số lao động	Người			
4. Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng			

NGƯỜI LẬP BIỂU*(Ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)**....., ngày... tháng... năm...***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*